

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TM
TỈNH HD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông An Văn Khoái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài.

2. Ông Triệu Duy Tỏi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **T T L**, sinh năm: 1979

ĐKKHKT: T Đ, xã T T, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **N C C**, sinh năm: 1978

ĐKKHKT: T Đ, xã T T, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T T L trình bày:

Chị và anh N C C kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T ngày 18/11/1998. Sau khi cưới, vợ chồng tôi tổ chức cuộc sống chung đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cách sống, sinh hoạt. Bên cạnh đó anh C sa đà vào chơi bời, nghiện ma túy. Nhiều lần anh ấy lên cơn ngáo đá, không kiểm soát được hành vi khiến tôi và các con đều sống trong sợ hãi, lo âu,

ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống. Xảy ra nhiều lần như vậy, tôi không thể chịu đựng được nên đã đưa các con về nhà mẹ đẻ tôi ở từ tháng 6/2020. Vợ chồng tôi sống ly thân từ đó đến nay. Sau đó tôi nghe tin cuối năm 2020, anh C đã bị Tòa án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hiện đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương. Từ lúc anh ấy đi cai nghiện, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng không đến thăm gặp anh ấy lần nào. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C để cả hai giải thoát cho nhau khỏi sự ràng buộc.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Vũ có 02 con chung gồm: 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền, sinh ngày 16/11/1999 và Nguyễn Ngọc Hà Linh, sinh ngày 04/12/2012. Cháu Huyền đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không phải giải quyết, cháu Linh hiện đang ở với chị L. Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cháu Linh và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị Thịnh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà bị đơn anh N C C trình bày:

Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung đến vài năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Anh xác định bản thân bị nghiện ma túy từ lâu, đã nhiều lần tự nguyện đi cai nghiện ma túy. Thời điểm năm 2019 anh đi cai nghiện ma túy thì chị L đã đưa con bỏ về nhà mẹ đẻ ở, sau khi mãn hạn anh trở về cộng đồng có đến tìm gặp chị L nói chuyện, mong muốn về đoàn tụ nhưng chị L cương quyết không về cùng anh. Sau đó, do chưa cai được nghiện nên anh tiếp tục tự nguyện đi cai nghiện ma túy thời điểm cuối năm 2020 đến đầu tháng 5/2021 anh đã trở về với cộng đồng. Quãng thời gian anh đi cai nghiện ma túy, chị L không đến thăm gặp anh lần nào. Vợ chồng anh sống ly thân đã gần 02 năm nay, không ai quan tâm ai. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn vì lo cho các con. Tuy nhiên anh không tìm được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung gồm: 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền, sinh ngày 16/11/1999 và Nguyễn Ngọc Hà Linh, sinh ngày 04/12/2012. Cháu Huyền đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không phải giải quyết, cháu Linh hiện đang ở với chị L. Ly hôn anh xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tại biên bản xác minh với UBND xã T T xác định: Anh C và chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T theo luật định. Quá trình chung sống vợ chồng

anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thậm chí còn xô xát đánh nhau, UBND xã và các đoàn thể phải đến can thiệp hòa giải nhiều lần. Bên cạnh đó, anh C là đối tượng nghiện ma túy và đã đi cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn chưa bỏ được, lần gần nhất là cuối năm 2020 đến nay. Hiện tại anh C và chị L đã sống ly thân nhau, không đoàn tụ lần nào. Nay chị L xin ly hôn anh C, địa phương đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho hai vợ chồng, nếu hòa giải không thành thì đề nghị giải quyết cho chị L được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống cho mỗi người. Chị L và anh C có 02 con chung, cháu lớn đã trưởng thành, cháu nhỏ là Nguyễn Ngọc Hà Linh, sinh ngày 04/12/2012, hiện đang ở với chị L. Ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Hà Linh cho chị L nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ và cũng để đảm bảo tâm L và sự phát triển của cháu.

- Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Ngọc Hà Linh xác định: Hiện tại cháu đang theo học lớp 3A, trường Tiểu học xã T T. Quá trình chung sống, cháu nhiều lần chứng kiến bố cháu sử dụng ma túy nên cháu rất sợ hãi. Hiện tại bố cháu đang đi cai nghiện và bố mẹ cháu không còn chung sống cùng nhau nữa. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T M xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Từ khi thụ L vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T T L được ly hôn anh N C C.
- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Hà Linh, sinh ngày 04/12/2012, hiện đang ở với chị L cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về án phí: Chị T T L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị T T L và anh N C C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện T M, tỉnh Hải Dương ngày 18/11/1998

là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng tổ chức cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cách sống, sinh hoạt. Bên cạnh đó anh C sa đà vào chơi bài, nghiện ma túy và đã đi cai nghiện nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, có lúc đánh cãi chửi nhau, chính quyền đoàn thể đã nhiều lần phải đến can thiệp. Quảng thời gian anh C đi cai nghiện, chị L đều không lần nào đến thăm gặp anh C. Sau đó, chị L đã đưa con bỏ về nhà mẹ đẻ ở, những lần anh C trở về cộng đồng sau khi cai nghiện đều đến tìm gặp nói chuyện với chị L để vợ chồng về đoàn tụ nhưng đều không được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, không đoàn tụ lần nào. Hiện tại anh C cũng không có biện pháp gì níu kéo hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C không đồng ý ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị L nên cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho chị L được ly hôn anh C để bảo vệ quyền lợi của chị L và giúp chị L, anh C sớm ổn định cuộc sống riêng.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị Huyền, sinh ngày 16/11/1999 và Nguyễn Ngọc Hà Linh, sinh ngày 04/12/2012. Đối với cháu Huyền đã trưởng thành nên không phải giải quyết, cháu Linh hiện đang ở với chị L.

Xét điều kiện nuôi dưỡng của chị L có công việc ổn định, có thu nhập. Anh C là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc, thu nhập. Tại biên bản lấy lời khai cháu Huyền, cháu xác định bố mẹ cháu thường xuyên cãi cọ nhau và thấy bố cháu sử dụng ma túy gây ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Cháu Linh cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, hiện cháu được chị L nuôi dưỡng, chăm sóc và cho ăn học ổn định nên cần tiếp tục giao cháu Linh cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N C C có quyền, nghĩa vụ thăm nom **con chung** không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị T T L là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị T T L được ly hôn anh N C C.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Hà Linh, sinh ngày 04/12/2012, hiện đang ở với chị L cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N C C có quyền, nghĩa vụ thăm nom **con chung** không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T T L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AB/2018/0002293 ngày 02/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T M, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T M;
- Chi cục THÁ dân sự huyện T M;
- UBND xã T T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái